

GỢI Ý ÔN TẬP ĐỊA LÍ 9

Câu 1: Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế ở Đông Nam Bộ?

Trả lời

a. Các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế của Đông Nam Bộ:

* Địa hình:

- Địa hình đất liền tương đối bằng phẳng, bờ biển có nhiều cửa sông, bãi tắm, rừng ngập mặn, thềm lục địa rộng và thoải → Mặt bằng xây dựng tốt, thuận lợi cho giao thông, cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, có điều kiện phát triển các ngành kinh tế biển

* Đất trồng, khí hậu, nguồn nước

- Có diện tích lớn đất ba dan (chiếm 40% diện tích của vùng) và đất xám, phân bố tập trung thành vùng lớn trên địa hình tương đối bằng phẳng

- Khí hậu cận xích đạo, thời tiết ít biến động, ít thiên tai

- Nguồn sinh thủy tốt .

→ Thích hợp phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả nhiệt đới trên quy mô lớn

* Khoáng sản, thủy năng:

- Có các mỏ dầu, khí ở vùng thềm lục địa, sét xây dựng và cao lanh ở Đồng Nai, Bình Dương

- Tiềm năng thủy điện lớn của hệ thống sông Đồng Nai

→ Có điều kiện phát triển công nghiệp khai thác, lọc hóa dầu, công nghiệp điện lực, công nghiệp VLXD

* Lâm sản, thủy sản:

- Diện tích rừng tuy không lớn nhưng là nguồn cung cấp nguyên liệu giấy cho Liên hiệp giấy Đồng Nai, gỗ củi cho dân dụng.

- Rừng ngập mặn ven biển có ý nghĩa lớn về phòng hộ, du lịch

- Vùng biển có nhiều thủy sản, gần các ngư trường Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu, Cà Mau - Kiên Giang

* Tài nguyên du lịch khá đa dạng:

- Vườn quốc gia Cát Tiên (Đồng Nai), vườn quốc gia Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu), khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ (TP HCM), nước khoáng Bình Châu, các bãi tắm Vũng Tàu, Long Hải (Bà Rịa - Vũng Tàu)

→ Có điều kiện phát triển du lịch sinh thái, du lịch biển - đảo

b. Các hạn chế:

- Mùa khô kéo dài 4 - 5 tháng, thường xảy ra thiếu nước cho sinh hoạt dân cư, cho sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, xâm nhập mặn ở vùng ven biển

- Triều cường gây nhiều trở ngại cho sản xuất, sinh hoạt dân cư ở các vùng thấp của Thành phố Hồ Chí Minh

- Môi trường tự nhiên ở nhiều nơi bị suy thoái do tốc độ công nghiệp hóa nhanh, chưa xử lý tốt các nguồn chất thải

Câu 2: Nhờ những điều kiện thuận lợi nào mà Đông Nam Bộ trở thành vùng sản xuất cây công nghiệp lớn nhất cả nước?

* **Điều kiện tự nhiên:**

- Địa hình bán bình nguyên và đồng bằng.

- Đất badan, đất xám.

- Khí hậu cận xích đạo thích hợp cho việc trồng cây công nghiệp.

- Nguồn nước dồi dào, hệ thống sông Đồng Nai là nguồn nước tưới phong phú...

* **Kinh tế - xã hội:**

- Dân số đông, lực lượng lao động dồi dào, cần cù, năng động.

- Dân cư có nhiều kinh nghiệm...

- Là vùng kinh tế năng động => thu hút nhiều lao động.

- Trình độ dân trí cao

- Nhiều cơ sở chế biến ... nhiều máy móc.

- Thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước rộng lớn.

- NN có những chính sách xây dựng CSHT và đầu tư hợp lý, từ đó khuyến khích người dân phát triển, mở rộng sản xuất cây công nghiệp.

→ Đông Nam Bộ là vùng trọng điểm số 1 về trồng cây CN và cây ăn quả của cả nước.

Câu 3: Đông Nam Bộ có những điều kiện nào để phát triển ngành dịch vụ?

Trả lời: Đông Nam Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành dịch vụ:

* **Vị trí địa lí:**

- Cầu nối giữa Đồng bằng sông Cửu Long - Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung, giữa đất liền của phần nam bán đảo Đông Dương với Biển Đông.

- Ở vị trí trung chuyển của nhiều tuyến đường không quốc tế, gần các tuyến đường biển quốc tế, trên tuyến đường Xuyên Á.

- Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

*** Điều kiện tự nhiên:**

- Bờ biển và hệ thống sông có nhiều địa điểm thích hợp để xây dựng cảng biển.

- Tài nguyên du lịch tự nhiên khá đa dạng, gồm các vườn quốc gia (Cát Tiên, Côn Đảo, Bù Gia Mập), khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ, bãi tắm Vũng Tàu, Long Hải, suối khoáng Bình Châu.

- Thời tiết ổn định ít xảy ra thiên tai.

*** Điều kiện kinh tế - xã hội:**

- Là vùng kinh tế năng động, cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp hóa, nhu cầu về dịch vụ sản xuất rất lớn.

- Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển tương đối đồng bộ, có Thành phố Hồ Chí Minh: đầu mối giao thông lớn hàng đầu của cả nước, có thể đi đến nhiều thành phố trong và ngoài nước bằng nhiều loại hình giao thông.

- Là địa bàn thu hút mạnh đầu tư của nước ngoài tập trung nhiều khu, cụm công nghiệp, nhiều trang trại nông nghiệp.

- Số dân đông, mức sống tương đối cao so mặt bằng cả - nước. Có các thành phố đông dân, nổi bật là Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố đông dân nhất nước.

- Tài nguyên du lịch nhân văn khá phong phú (nhà tù Côn Đảo, địa đạo Củ Chi, Bến Nhà Rồng, các lễ hội, đình, chùa, chợ ...)

Câu 4: Vai trò của vùng Đông Nam Bộ trong phát triển công nghiệp của cả nước:

- Hiện nay, trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước, vùng Đông Nam Bộ chiếm tỉ trọng cao nhất (năm 2005 chiếm 55,5 %)

- Hầu hết các ngành công nghiệp trọng điểm của vùng đều chiếm tỉ trọng cao so với cả nước. Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về các sản phẩm: dầu thô, động cơ điêzen, sơn hóa học, sản lượng điện, quần áo may sẵn, ...

- Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu. Sự phát triển công nghiệp của vùng có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển công nghiệp của cả nước.

Câu 6: Đặc điểm ngành dịch vụ của ĐNB

- Là ngành kinh tế phát triển mạnh ở Đông Nam Bộ(năm 2007 chiếm 28,7% GDP), ngành này không chỉ phục vụ cho nhân dân trong vùng mà còn cho nhu cầu thị trường Nam Bộ và một phần cả nước .

- Các hoạt động dịch vụ nhất là thương mại vận tải du lịch , bưu chính viễn thông , ...

- Với cảng Sài Gòn và sân bay Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh là đầu mối giao thông quan trọng nhất của vùng và của cả nước bằng nhiều loại hình : ô tô, đường sắt, đường biển , đường hàng không ,...

- Đây là vùng dẫn đầu cả nước về hoạt động xuất nhập khẩu .Xuất khẩu chủ yếu là dầu thô , thực phẩm chế biến , hàng công nghiệp nhẹ. Nhập khẩu chủ yếu là máy móc và nguyên vật liệu .

- Đông Nam Bộ là địa bàn thu hút mạnh nhất đầu tư nước ngoài (chiếm 50% tổng vốn đầu tư nước ngoài vào năm 2003)(vốn FDI)

- Du lịch là một trong những thế mạnh của vùng, Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm lớn nhất toàn quốc, hoạt động du lịch diễn ra sôi động quanh năm đem lại hiệu quả kinh tế .

Câu 6: Nêu thế mạnh về một số tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế-xã hội ở Đồng bằng sông Cửu Long.

- Vị trí địa lí : (nêu vị trí tiếp giáp), thuận lợi cho việc phát triển KT, nhất là đối với Đông Nam Bộ.

- Đất đai: có 3 nhóm chính:

+ Nhóm đất phù sa ngọt: diện tích 1,2 triệu ha (chiếm hơn 30% diện tích tự nhiên của đồng bằng), màu mỡ nhất, phân bố thành dải dọc sông Tiền, sông Hậu. Là loại đất tốt nhất thuận lợi cho trồng lúa.

+ Nhóm đất phèn: có diện tích lớn nhất với hơn 1,6 triệu ha (41% diện tích tự nhiên của đồng bằng), trong đó phèn nhiều 55 vạn ha, phèn ít và trung bình 1,05 triệu ha. Đất phèn tập trung ở Đồng Tháp Mười, Tứ giác long xuyên, Hà Tiên, vùng trũng ở Cà Mau.

+ Nhóm đất mặn: với gần 75 vạn ha (19% diện tích tự nhiên của đồng bằng) phân bố thành vành đai ven biển Đông và vịnh Thái Lan.

+ Đất khác : khoảng 40 vạn ha (10%), phân bố rải rác khắp đồng bằng.

- Khí hậu: thể hiện rõ rệt tính chất cận xích đạo. Tổng số giờ nắng trung bình năm là 2200 – 2700 giờ. Chế độ nhiệt cao, ổn định với nhiệt độ trung bình năm 25 – 27°C. Lượng mưa lớn (1300 – 2000mm), tập trung vào tháng mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 11).

+ Thời tiết ít biến động, hầu như không có bão.

+ Thích hợp cho sản xuất nông nghiệp quanh năm, thuận lợi cho việc thực hiện các biện pháp canh tác như: thâm canh, tăng vụ, luân canh, xen canh...

- Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch: chằng chịt cắt xẻ châu thổ thành những ô vuông, nguồn nước phong phú (nhất là nước trên mặt), tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông, sản xuất và sinh hoạt.

- Sinh vật: thảm thực vật gồm hai thành phần chủ yếu là rừng ngập mặn (Cà Mau, Bạc Liêu...) và rừng tràm (Kiên Giang, Đồng Tháp). Về động vật, có giá trị hơn cả là cá và chim (có nhiều sân chim tự nhiên ở Cà Mau, Bạc Liêu, Bến Tre)

- Tài nguyên biển: hết sức phong phú với hàng trăm bãi cá, bãi tôm (chiếm hơn 1/2 trữ lượng cả nước) và hơn nửa triệu ha mặt nước nuôi trồng thủy sản (khoảng 68,6 triệu ha, năm 2005).

- Các loại khoáng sản chủ yếu: đá vôi (Hà Tiên, Kiên Lương) và than bùn (U Minh, tứ giác Long Xuyên...), đất sét (nhiều nơi) và dầu khí ở vùng thềm lục địa.

Câu 7: Đồng bằng sông Cửu Long có những điều kiện gì để trở thành vùng sản xuất lương thực lớn nhất nước?

- Điều kiện tự nhiên:

+ Đất: diện tích rộng (gần 4 triệu ha). Đất phù sa ngọt ven sông Tiền, sông Hậu (1,2 triệu ha) thích hợp cho trồng lúa; vùng đất phèn, đất mặn được cải tạo cũng trở thành các vùng trồng lương thực.

+ Khí hậu: nóng ẩm quanh năm, lượng mưa dồi dào.

+ Sông Mê Công và mạng lưới kênh rạch chằng chịt.

- Điều kiện kinh tế - xã hội:

+ Người dân có kinh nghiệm trồng lúa nước trên đất phèn, mặn và có kinh nghiệm sản xuất trong cơ chế thị trường.

+ Mạng lưới cơ sở chế biến và dịch vụ sản xuất lương thực phát triển rộng khắp.

+ Thị trường tiêu thụ rộng lớn và ổn định, đặc biệt lúa gạo để xuất khẩu.

Câu 8: Chứng minh Đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa lớn nhất nước?

Trả lời.

- Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:

+ Là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta, rộng khoảng 4 triệu ha.

+ Phần lớn diện tích đồng bằng là đất phù sa được bồi đắp phù sa hằng năm, rất màu mỡ, nhất là dải đất phù sa ngọt dọc sông Tiền và sông Hậu, có diện tích 1,2 triệu ha, rất thích hợp để cây lúa phát triển.

+ Khí hậu thể hiện rõ tính chất cận xích đạo: tổng số giờ nắng trung bình năm là 2200 - 2700 giờ; chế độ nhiệt cao, ổn định với nhiệt độ trung bình năm 25- 27°C; lượng mưa hằng năm lớn (1.300 - 2.000mm), thích hợp với cây lúa nước.

+ Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung cấp nước cho sản xuất lúa.

- Điều kiện kinh tế - xã hội:

+ Dân số hơn 74,4 triệu người (năm 2006), nên có lao động dồi dào; người dân cần cù, có kinh nghiệm sản xuất lúa, thích ứng nhanh với sản xuất hàng hoá.

+ Hệ thống thủy lợi khá hoàn chỉnh; giao thông vận tải đường bộ, đường sông thuận lợi.

+ Mạng lưới cơ sở chế biến và dịch vụ sản xuất lúa rộng khắp.

+ Thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Câu 8: Các thế mạnh của Đồng bằng sông Cửu Long trong phát triển ngành thủy sản:

- Điều kiện tự nhiên:

+ Sông ngòi kênh rạch chằng chịt, đặc biệt có hệ thống sông Mê Kông.

+ Lũ hàng năm của sông Mê Công đem đến nguồn thủy sản tự nhiên rất lớn

+ Vùng biển rộng và ấm quanh năm, cũ nhiều ngư trường rộng lớn, nhiều đảo và quần đảo thuận lợi cho khai thác hải sản

+ Vùng rừng ven biển cung cấp nhiều nguồn tôm giống tự nhiên và thức ăn cho các vùng nuôi tôm trên các vùng đất ngập mặn

- Nguồn lao động : người dân có nhiều kinh nghiệm đánh bắt, nuôi trồng và kinh doanh thủy sản trong nền kinh tế thị trường, năng động và nhạy cảm với cái mới trong sản xuất.

- Cơ sở chế biến : nhiều cơ sở ; các cơ sở ngày càng hiện đại, đạt tiêu chuẩn làm hàng xuất khẩu.

- Thị trường tiêu thụ: rộng lớn (các nước trong khu vực, EU, Nhật, Bắc Mỹ).

Câu 9: Đồng bằng sông Cửu Long có thể mạnh đặc biệt trong nghề nuôi tôm xuất khẩu, vì :

- Có nhiều diện tích kênh rạch, rừng ngập mặn, các bãi triều ven biển, đặc biệt trên bán đảo Cà Mau.
- Do nuôi tôm đem lại nguồn thu nhập lớn, nếu trúng mùa, trúng giá, người dân sẵn sàng đầu tư lớn, chấp nhận rủi ro, sẵn sàng tiếp thu kỹ thuật và công nghệ mới để phát triển nghề nuôi tôm xuất khẩu.
- Có nhiều cơ sở chế biến thủy sản.
- Thị trường nhập khẩu tôm (EU, Nhật Bản, Bắc Mỹ) có nhu cầu lớn về các loại thực phẩm này, kích thích nghề nuôi tôm xuất khẩu.

Câu 10: Những khó khăn hiện nay trong phát triển ngành thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long và biện pháp khắc phục:

- Khó khăn :
 - + Thiếu vốn đầu tư lớn để mở rộng đánh bắt xa bờ.
 - + Hệ thống công nghiệp chế biến chất lượng cao còn hạn chế.
 - + Thiếu con giống sạch bệnh.
- Biện pháp:
 - + Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ vốn, giúp ngư dân mở rộng đánh bắt xa bờ.
 - + Bảo đảm vệ sinh môi trường nước nuôi trồng.
 - + Phát triển kỹ thuật và công nghệ chế biến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu.
 - + Chủ động nguồn giống an toàn và năng suất, chất lượng cao.
 - + Chủ động tránh né các rào cản của các nước nhập khẩu sản phẩm thủy sản của Việt Nam.

Câu 11: a. Trình bày các hướng ưu tiên phát triển ngành thủy sản ở nước ta.

b. Liên hệ địa phương (tỉnh Bến Tre), theo em cần quan tâm những vấn đề gì để việc phát triển ngành thủy sản được bền vững?

Trả lời:

a. Các hướng ưu tiên phát triển ngành thủy sản ở nước ta:

- Phát triển khai thác hải sản xa bờ.
- Đẩy mạnh nuôi trồng hải sản trên biển, ven biển, ven các đảo, ...
- Phát triển đồng bộ và hiện đại hóa công nghiệp chế biến hải sản.

b. Định hướng phát triển bền vững ngành thủy sản bền vững ở tỉnh Bến Tre:

- Chuyển hướng khai thác sang vùng hải sản xa bờ, nhất là ba huyện ven
- Bảo vệ và trồng thêm rừng ngập mặn ven biển (Ba Tri, Bình Đại, Thạnh Phú phát triển dãy rừng ngập mặn ven biển, bãi biển) thích hợp nuôi nhiều loại thủy sản nước ngọt, lợ (nhiều bãi tôm, nghêu, sò, .. phát triển nghề nuôi cua biển)
- Vùng ven sông (Hàm Luông, Ba Lai) nuôi cá nước ngọt.
- Bảo vệ nguồn lợi thủy hải sản
- Chống ô nhiễm hóa học (khai thác có kế hoạch, không sử dụng chất hóa học, xung điện để khai thác thủy hải sản, ... xử lý dầu trên biển hợp lý, tránh sự cố tràn dầu, xả dầu gây ô nhiễm môi trường biển).

Câu 12: Đông Nam Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển tổng hợp kinh tế biển:

- Các vũng vịnh nước sâu thuận lợi để xây dựng cảng biển (cảng Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh), vùng biển gần các đường hàng hải quốc tế → phát triển giao thông vận tải biển.
- Có các bãi tắm đẹp (Vũng Tàu, Long Hải), các đảo ven bờ (Côn Đảo) phát triển du lịch biển - đảo.
- Nguồn lợi hải sản phong phú, ngư trường rộng lớn (Bà Rịa - Vũng Tàu), có các bãi tôm bãi cá, các vùng nước mặn nước lợ, rừng ngập mặn ven biển...thuận lợi cho phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.
- Giàu tiềm năng dầu khí ở thềm lục địa phía nam, là tài nguyên khoáng sản vô cùng quan trọng của vùng, phát triển công nghiệp khai thác và chế biến dầu khí (các mỏ dầu Hồng Ngọc, Rạng Đông, Bạch Hổ, Đại Hùng; mỏ khí Lan Tây, Lan Đỏ).

Câu 13: Nêu một số khó khăn chính về mặt tự nhiên ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long.

Biện pháp khắc phục?

* Khó khăn:

- Đất phèn, đất mặn chiếm diện tích lớn.
- Mùa khô kéo dài, nước biển xâm thực, thiếu nước ngọt.
- Mùa lũ gây ngập úng trên diện rộng.

* Biện pháp:

- Cải tạo đất phèn, đất mặn.
- Dự trữ nước cung cấp vào mùa khô.
- Chung sống với lũ, khai thác nguồn lợi từ lũ.
- Chuyển hình thức canh tác sang nuôi trồng thủy sản.

Câu 14: Tại sao phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển?

Nước ta có nhiều nguồn tài nguyên biển: nguồn lợi thủy sản, tài nguyên dầu khí, tài nguyên trong lòng biển, tài nguyên du lịch biển...

Việc phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành kinh tế khác phát triển, khai thác tốt tiềm năng tài nguyên thiên nhiên nước ta, đồng thời tạo ra mối quan hệ chặt chẽ giữa các ngành kinh tế, hỗ trợ nhau cùng phát triển.

Phát triển tổng hợp kinh tế biển làm thay đổi mạnh mẽ kinh tế vùng biển nước ta.

Câu 15: Hãy nêu giới hạn từng bộ phận của vùng biển nước ta.

Giới hạn từng bộ phận của vùng biển nước ta:

- Vùng biển của nước ta bao gồm: nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

+ Nội thủy: vùng biển giáp bờ và ở phía trong đường cơ sở.

+ Lãnh hải: vùng biển có chiều rộng 12 hải lí, tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới phía ngoài của lãnh hải được coi là biên giới của quốc gia trên biển.

+ Vùng tiếp giáp lãnh hải: vùng biển có chiều rộng 12 hải lí, tính từ ranh giới phía ngoài của lãnh hải ra phía biển.

+ Vùng đặc quyền kinh tế: vùng biển phía ngoài lãnh hải, hợp với lãnh hải thành một vùng biển rộng 200 hải lí, tính từ đường cơ sở.

+ Vùng thềm lục địa: gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của vùng đặc quyền kinh tế, thuộc phần kéo dài tự nhiên của lục địa Việt Nam.

Câu 16: Tại sao phải phát triển tổng hợp kinh tế biển.

- Phát triển tổng hợp là phát triển có sự quan hệ chặt chẽ giữa nhiều ngành, sao cho sự phát triển của một ngành không gây tổn hại hoặc kìm hãm sự phát triển của ngành khác.

- Môi trường biển không bị chia cắt, môi trường đảo dễ bị suy thoái. Do thế, nếu đẩy mạnh, phát triển một ngành không trên quan điểm khai thác tổng hợp, sẽ làm hạn chế sự phát triển của các ngành còn lại

- Nếu đẩy mạnh khai thác dầu khí mà không quan tâm đến vấn đề ô nhiễm môi trường biển, sẽ làm ‘tổn hại đến ngành nuôi trồng thủy sản và du lịch biển – đảo.

- Vùng biển nước ta giàu tiềm năng, có điều kiện phát triển nhiều ngành kinh tế biển: nuôi trồng và khai thác thủy sản, khai thác khoáng sản, du lịch biển - đảo, dịch vụ giao thông vận tải biển.

- Phải phát triển tổng hợp kinh tế biển mới khai thác hợp lí các nguồn lợi biển theo hướng bền vững, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Câu 17: Công nghiệp chế biến thủy sản phát triển sẽ có tác động như thế nào tới ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

Công nghiệp chế biến thủy sản phát triển sẽ tạo ra nhu cầu lớn về nguyên liệu thủy sản, làm tăng giá trị thủy sản, việc bảo quản và chuyên chở các sản phẩm thủy sản được thuận lợi hơn, có điều kiện mở rộng thị trường tiêu thụ, từ đó sẽ tác động mạnh đến:

+ Ngành đánh bắt thủy sản: tăng công suất và số lượng tàu thuyền, đặc biệt là các tàu đánh bắt xa bờ, hiện đại hóa ngư cụ và các trang thiết bị khác để tăng sản lượng thủy sản đánh bắt

+ Ngành nuôi trồng thủy sản: phát triển theo hướng công nghiệp và đa dạng hơn, mở rộng và ổn định diện tích nuôi trồng, tăng sản lượng và chất lượng thủy sản nuôi trồng

+ Ngư dân: tạo việc làm và tăng thu nhập, thúc đẩy ngư nghiệp. phát triển theo hướng bền vững.